

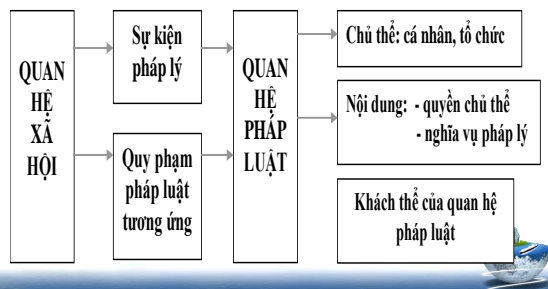
- Quan hệ nào sau đây là quan hệ pháp luật?**
- ❖ Công dân A (nam giới, 20 tuổi) yêu công dân B (Nữ giới, 17 tuổi).
 - ❖ Bà L (65 tuổi) ra chợ mua thịt từ quầy bán thịt.
 - ❖ Anh C (25 tuổi) đi thi bằng lái xe tại công an tỉnh Hà Nam.
 - ❖ A (10 tuổi) tặng B (15 tuổi) 2 lượng vàng.



- ### 3. Phân loại quan hệ pháp luật
- | Căn cứ vào tiêu chí phân chia các ngành luật | Căn cứ vào tiêu chí nội dung |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> QHPL dân sự | <input type="checkbox"/> QHPL nội dung |
| <input type="checkbox"/> QHPL hành chính | <input type="checkbox"/> QHPL hình thức |
| <input type="checkbox"/> QHPL hình sự, | <input type="checkbox"/> |

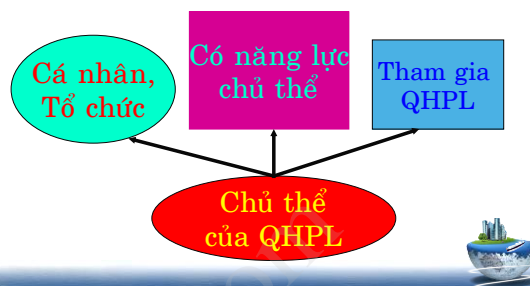
4. Thành phần của quan hệ pháp luật

SƠ ĐỒ CẤU TRÚC CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT



4.1 Chủ thể của quan hệ pháp luật

* Khái niệm



Năng lực chủ thể của chủ thể QHPL

Gồm:

- Năng lực pháp luật
- Năng lực hành vi

Năng lực pháp luật

Là khả năng của chủ thể có những quyền và nghĩa vụ pháp lý mà NN quy định

- ❖ Năng lực PL của cá nhân xuất hiện từ khi cá nhân sinh ra và mất đi khi cá nhân đó chết hoặc bị tuyên bố chết
- ❖ Năng lực PL và năng lực hành vi của tổ chức xuất hiện từ khi tổ chức đó được thành lập hợp pháp, chấm dứt khi tổ chức đó không còn tư cách pháp lý

Năng lực hành vi

Là khả năng của chủ thể:

- + bằng hành vi của mình tham gia quan hệ pháp luật
- + Thực hiện quyền, nghĩa vụ pháp lý theo quy định của pháp luật

* Năng lực hành vi của cá nhân

Là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý do luật định

Điều kiện:

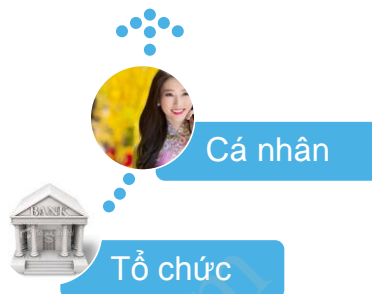
- Đủ tuổi
- Khả năng nhận thức

Năng lực chủ thể của tổ chức

- ❖ Phát sinh từ thời điểm được thành lập hợp pháp (quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký,...)



Các loại chủ thể



Cá nhân

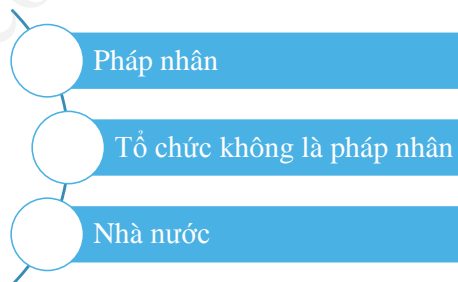
Công dân

Người nước ngoài

Người không quốc tịch



Chủ thể là tổ chức



4.2. Khách thể của QHPL

- ❖ Là những lợi ích vật chất, tinh thần và những lợi ích xã hội khác mà chủ thể mong muốn đạt được khi tham gia vào các QHPL



Khách thể Lợi ích vật chất: nhà cửa, phương tiện sinh hoạt...

Lợi ích phi vật chất: nghề nghiệp, học vị, tên gọi...

Nhu cầu về hoạt động chính trị, xã hội



4.3. Nội dung của QHPL

❖ Là quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể trong quan hệ pháp luật



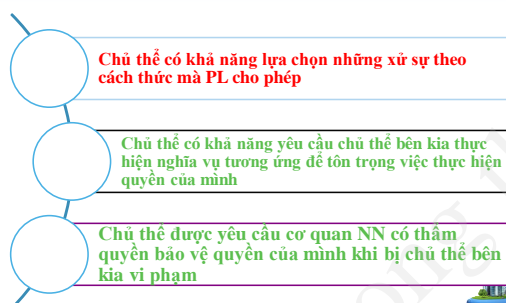
4.3 Nội dung của QHPL

Quyền pháp lý của chủ thể là khả năng xử sự của chủ thể trong những điều kiện cụ thể được pháp luật quy định

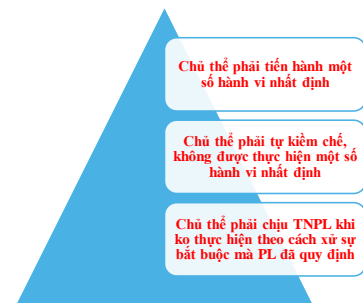
Nghĩa vụ pháp lý của chủ thể là cách xử sự bắt buộc của chủ thể nhằm đáp ứng việc thực hiện quyền của chủ thể khác khi tham gia quan hệ pháp luật



Đặc tính của quyền pháp lý



Đặc tính của nghĩa vụ pháp lý



5. Sự kiện pháp lý

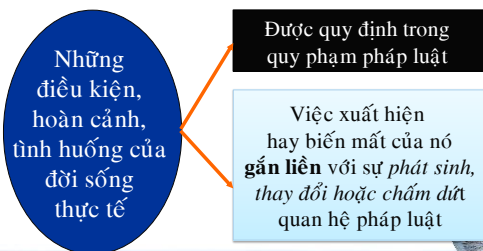
5.1 Khái niệm:

Là những sự kiện đã xảy ra trong thực tế mà sự xuất hiện hay mất đi của nó được PL gắn với việc hình thành, thay đổi hay chấm dứt QHPL



5. Sự kiện pháp lý

❖ Khái niệm



5.2. Phân loại

Dựa vào MQH giữa những sự kiện xảy ra với ý chí của các chủ thể tham gia QHPL

Có 2 loại :

- **Hành vi pháp lý**
- **Sự biến pháp lý**



Hành vi pháp lý

Là những sự việc xảy ra theo ý chí của con người.

- Hành vi hành động, hành vi không hành động
- Hành vi hợp pháp, hành vi bất hợp pháp



Sự biến pháp lý

- ❖ Là những sự kiện pháp lý xảy ra trong tự nhiên, không phụ thuộc vào ý chí của con người, nhưng cũng làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt QHPL

